

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ – ST
Ngày 16 tháng 5 năm 2024
“V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lưu Văn Hà.
- Ông Lê Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Tố Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Hường Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 281/2023/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1980, (có mặt).

Địa chỉ: Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bị đơn: Anh Phùng Văn H1, sinh năm 1977, (vắng mặt).

Địa chỉ: Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 10 năm 2023 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về tình cảm: Chị và anh Phùng Văn H1 kết hôn năm 2000, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hội Hợp, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi cưới anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Kết hôn xong chị về làm dâu và sống chung cùng gia đình anh H1, được khoảng

01 năm thì vợ chồng ra ở riêng. Tình cảm vợ chồng những năm đầu bình thường, mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ năm 2020, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, bản thân anh H1 có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, anh H1 thường xuyên qua đêm ở bên ngoài không về nhà với mẹ con chị. Nhiều lần chị cùng các con và bố mẹ anh H1 có nói chuyện, khuyên anh H1 thay đổi nhưng anh H1 không thay đổi. Ngoài ra, do việc làm ăn của vợ chồng bị thua lỗ dẫn đến việc phải bán nhà vào năm 2022, từ đó đến nay chị và các con phải thuê nhà để ở, còn anh H1 về sống cùng bố mẹ là ông Tường, bà Hỷ ở phường H, thành phố V. Từ đó đến nay vợ chồng chị sống ly thân, không còn quan tâm và hoàn toàn bỏ mặc nhau trong cuộc sống.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân được một thời gian dài từ năm 2022 đến nay nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1 để cả hai có điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

Về con chung: Chị H xác nhận có 03 con chung là cháu Phùng Thu T, sinh năm 2001; cháu Phùng Quang Tiến, sinh năm 2003 và cháu Phùng Thị B B, sinh ngày 01/3/2012. Hiện tại cháu T và cháu Tiến đã trên 18 tuổi, có thể lao động tự túc được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu B hiện nay đang ở với chị, ly hôn chị có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng, các khoản vay, cho vay chung của vợ chồng: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Phùng Văn H1 sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập họp lệ và gửi các văn bản của Tòa án gồm:* Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ. Tòa án đã triệu tập anh H1 nhiều lần đến Tòa để làm việc nhưng anh H1 cố tình trốn tránh và không nộp cho Tòa án các văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 4 năm 2024 ông Phùng Văn T1 là bố đẻ của anh Phùng Văn H1 trình bày:* Từ khi anh H1 và chị H sống ly thân nhau vào năm 2022 thì hiện tại anh Phùng Văn H1 đang ở cùng vợ chồng ông, còn chị H thì thuê nhà ở gần nhà ông ở cùng với các con chị H, anh H1. Hàng ngày anh H1 làm nghề xây dựng tự do. Mỗi lần Tòa án gửi văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H1, ông đều nhận thay anh H1. Ngay trong ngày nhận được, ông đều giao lại cho anh H1, anh H1 có đọc các giấy tờ trên và biết việc chị Trần Thị H làm đơn

xin ly hôn anh H1 nhưng anh H1 chỉ nói tùy chị H tự giải quyết. Việc chị H làm đơn xin ly hôn anh H1 không có ý kiến gì nhưng anh H1 nói sẽ không đến Tòa án làm việc, Tòa án muốn giải quyết như thế nào thì việc của Tòa án.

Tại phiên tòa: Chị H giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, xin nuôi con và không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H.

+ Về con chung: Đề nghị giao cháu Phùng Thị B B, sinh ngày 01/3/2012 cho chị Trần Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H1 không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H không yêu cầu.

+ Về án phí sơ thẩm: Đề nghị giải quyết về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Phùng Văn H1 nhưng anh H1 vắng mặt tại Tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Trần Thị H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Phùng Văn H1 có hộ khẩu thường trú tại: Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 27/10/2000 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa pH nơi chị H, anh H1 đang cư trú và lời khai của ông Phùng Văn T1 là bố của anh H1 đều thể hiện: Chị H và anh H1 sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh H1, chính quyền địa pH cùng ông T1 bố đẻ của anh H1 đều không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy: Việc chị H làm đơn xin ly hôn anh H1 vì thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ để hòa giải nhưng anh H1 đều vắng mặt. Do vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải để anh chị về đoàn tụ với nhau được. Qua xác minh tại địa pH và lời khai của ông Phùng Văn T1 là bố của anh H1 đều xác định anh chị đã sống ly thân được một thời gian từ năm 2022 đến nay, không còn liên lạc và bỏ mặc nhau trong cuộc sống. Anh H1 có biết việc chị H làm đơn xin ly hôn nhưng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H1 đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh H1.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị H, anh H1 có 03 con chung là cháu Phùng Thu T, sinh năm 2001; cháu Phùng Quang Tiến, sinh năm 2003 và cháu Phùng Thị B B, sinh ngày 01/3/2012. Hiện tại cháu T và cháu Tiến đã trên 18 tuổi, có thể lao động tự nuôi được bản thân. Còn cháu B hiện tại đang ở cùng chị H.

Qua xác minh tại địa pH nơi chị H và anh H1 cư trú đều thể hiện anh chị làm nghề lao động tự do, có thu nhập và có đủ điều kiện để nuôi con. Ly hôn chị H có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B. Xét nguyện vọng xin được nuôi con của chị H là hoàn toàn thực tâm. Do hai bên không thỏa thuận được việc nuôi con, theo quy định của pháp luật khi quyết định giao con cho một người chăm sóc, nuôi dưỡng phải xem xét đến điều kiện thực tế, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con để quyết định giao cho bố hoặc mẹ. Trên thực tế, từ khi chị H và anh H1 sống ly thân cháu B ở cùng với chị H và theo nguyện vọng của cháu B xin được ở với chị H. Do vậy, cần giao cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ghi nhận chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Chị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Phùng Văn H1.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phùng Thị B B, sinh ngày 01/3/2012.

Ghi nhận chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn anh H1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2023/0005502 ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân thành phố Vĩnh Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên;
- Các đương sự;
- UBND phường Hội Hợp, tp Vĩnh Yên;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trang Nhung